

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa Hóa học – Lần 2 năm học 2026-2027, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- 1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Zalo: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 14 tháng 05 năm 2026.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 14 tháng 05 năm 2026.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
 - Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).
5. Thành phần hồ sơ báo giá:
- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
 - Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
6. Các thông tin khác:
- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
 - Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...
- Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	DGEBA	1675-54-3						Kg	1	
2	Acetone công nghiệp							Lít	1	
3	Toluen công nghiệp							Lít	1	
4	Methanol công nghiệp							Lít	1	
5	TETA công nghiệp	112-24-3						Kg	1	
6	Styren							Chai 500ml	1	
7	Formaldehyde solution							Chai 500ml	1	
8	Ethylene diamine							Chai 500ml	1	
9	Mg(NO3)2							Chai 500ml	1	
10	AgNO3	7761-88-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$ pH 5 - 6 . Chloride (Cl) $\leq 0.001\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0004\%$. Hàm lượng Pb $\leq 0.001\%$	100g/chai	1	
11	Thiol		Trung Quốc				50ml	cái	1	
12	HNO3	7697-37-2	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: 65 - 68% . Hàm lượng CL ≤ 0.00005 . Hàm lượng Pb ≤ 0.00001	500ml/chai	10	
13	Benzaldehyde		Ấn Độ		Ấn Độ			c/ 500 mL	1	
14	Cyclohexanol	2675-4105	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng Độ 99%	c/ 500 mL	1	
15	AcOH tinh khiết	64-19-7	Xi Long	2024	TQ	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	c/ 500 mL	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
16	Aniline	00266 00500	Pallav - Ấn Độ	2024	Pallav - Ấn Độ	Pallav - Ấn Độ	Độ tinh khiết: 99,5% Chất lỏng trong suốt màu vàng đến nâu đỏ	500ml/Chai	1	
17	N,N-Dimethylaniline	3054-4405	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng độ 99%	c/ 500 mL	1	
18	Chloral hydrate	302-17-0	Zhanyun	2025	TQ	Zhanyun		c/250 g	1	
19	Dầu Silicon		Trung Quốc	2025	Trung Quốc		Dạng vật lý: Một chất lỏng trong suốt không màu	Lít	2	
20	2,4,6-Tris(p-formylphenyl)-1,3,5-triazine				Trung Quốc			Chai 1 gam	1	
21	biphenyl-3,3',5,5'-tetracarbaldehyde				Trung Quốc			Chai 1 gam	1	
22	beta carotenoid							Chai	1	
23	cryptoxanthine							Chai	1	
24	lutein							Chai	1	
25	Zeaxanthine							Chai	1	
26	7-Bromoheptanoic Acid, 98%		TCI					5 g	1	
27	Methanol, Multisolventđ HPLC grade - CH3OH	A452-4 KR	Fisher					Chai/4L	4	
28	H2SO4	1007312500	Merck		Đức			chai 2.5L	1	
29	HNO3	1004562500	Merck		Đức			chai 2.5L	1	
30	Cr2O3 (PA)				TQ			chai 500 gam	5	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
31	Kali antimon tartrat (PA) K(SbO)C ₄ H ₄ O ₆ .1/2H ₂ O				TQ			Chai 500 gam	5	
32	CoCl ₂ .6H ₂ O				TQ			Chai 100 gam	5	
33	NiCl ₂ .6H ₂ O				Trung Quốc			Chai 500g	2	
34	NiSO ₄				Trung Quốc			Chai 500g	2	
35	Menthol tinh thể	MS- CN	Ấn Độ	2023	Ấn Độ	Ấn Độ	Phần trăm độ tinh khiết: 98 - 102 % . Điểm sôi 41-44 độ C	kg	2	
36	Eucalyptol 99.9%				Singapore			Lít	1	
37	Aceton 90%,C ₃ H ₆ O	67-64-1-CN	Chemsol	2024	Việt Nam	VINA CHEM	Phần trăm độ tinh khiết ≥90% Dạng vật chất: Chất lỏng Điểm sôi: 56,5°C Độ ẩm <0,3%	Lít	30	
38	Pyridine	P/7960/15	Fisher	2023	Hàn Quốc	Fisher	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.5% . Hàm lượng Ammoniac ≤0.002% . H ₂ O ≤0.05 % . Hàm lượng Cu ≤0.05 ppm	1 lít/chai	1	
39	formaldehyde solution		Xilong		Trung Quốc	Xilong		500ml	1	
40	TETA công nghiệp		Việt Nam		Việt Nam	Việt Nam		1 kg	1	
41	Ethanol amine		Xilong		Trung Quốc	Xilong		500ml	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
42	H3PO3 công nghiệp		Trung Quốc		Trung Quốc	Trung Quốc	\	kg	1	
43	Gỗ cao su ghép thanh						Độ dày 15 mm, kích thước 1220x2440 mm, loại AA	Cái	1	
44	Dụng cụ chung cất nước	HS.Z11.5L					Công suất: 1,5 lít/ giờ	Cái	1	
45	Ghế chân quỳ phòng họp lưng trung	GCQ409					Cao chỗ ngồi : 45cm Cao tổng thể: 93cm Rộng chỗ ngồi : 47cm Rộng phủ bì: 54cm Sâu : 52cm	Cái	1	
46	Quạt đứng Midea 7 cánh	FS40-24EVN(K) 50W						Cái	1	
47	Cr2O3 công nghiệp							Bao 25 kg	1	
48	Diethyl ether	60-29-7	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Phần trăm độ tinh khiết: 99.5%. Dạng vật lý : Không màu , trong suốt , không cặn . Tỷ trọng 20 độ C : 0.713-0.715	500ml/chai	10	
49	Diethyl ether	60-29-7	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99%	c/ 500 mL	1	
50	Toluene		Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	c/ 500 mL	1	
51	KMnO ₄		Đức Giang	2025	Việt Nam	Đức Giang		c/500 g	1	
52	Potassium Peroxydisulfate, K ₂ S ₂ O ₈		TQ	2025	TQ			c/500 g	1	
53	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL							cái	10	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
54	Na ₂ S.9H ₂ O	1313-84-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 98 % . Hàm lượng NH ₄ ≤ 0.002 % . Chất không hoà tan trong nước ≤ 0.002 %	500g/chai	2	
55	Cyclohexene	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0%. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1	
56	Phenol							500g/chai	5	
57	Bơm khí bình chữa cháy CO ₂							Bình	10	
58	Acetone công nghiệp		Việt Nam					Lít	10	
59	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL							cái	10	
60	Na ₂ S.9H ₂ O	1313-84-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 98 % . Hàm lượng NH ₄ ≤ 0.002 % . Chất không hoà tan trong nước ≤ 0.002 %	500g/chai	2	
61	Cyclohexene	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0%. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1	
62	Phenol							500g/chai	5	
63	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL							cái	10	
64	Na ₂ S.9H ₂ O	1313-84-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 98 % . Hàm lượng NH ₄ ≤ 0.002 % . Chất không hoà tan trong nước ≤ 0.002 %	500g/chai	2	
65	Cyclohexene	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0%. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1	
66	Phenol							500g/chai	5	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
67	Quặng Bauxite								1	
68	Đất đỏ Bazan							Bao 25 kg	1	
69	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kỹ thuật)				Việt Nam		Nồng độ 98%	39kg/ can	10	
70	HCl (can 30kg) Kỹ Thuật				Trung Quốc			can	1	
71	NH ₃ (can 30kg) Kỹ thuật				Trung Quốc			Can/ 30 lít	1	
72	Đá san hô							Kg	10	
73	HNO ₃ (PA)				Trung Quốc		Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	10	
74	AgNO ₃ (PA)				Trung Quốc		Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	2	
75	SnCl ₄				Trung Quốc			Chai 500g	1	
76	Pb(NO ₃) ₂				Trung Quốc			Chai 500g	1	
77	Pb(CH ₃ COO) ₂				Trung Quốc			Chai 500g	1	
78	Zn kim loại				Trung Quốc		Nồng Độ 99 %	Chai/ 500g	1	
79	phenolphthalein								1	
80	KMnO ₄				Việt Nam			Chai 500g	1	
81	K ₂ Cr ₂ O ₇				Trung quốc			Chai 500g	1	
82	Cr(NO ₃) ₃							Chai 500g	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
83	Sn Kim loại				Trung Quốc		Nồng Độ 99,5 %	Chai 500g	1	
84	Gáo cạn nhỏ, kích thước 24,8 x 16 x 9,7 cm, nguyên liệu PP							Cái	1	
85	Gáo bầu 1293, kích thước 28,9 x 15,1 x 13 cm, nguyên liệu PP							Cái	1	
86	Giá đỡ ống nghiệm 6 lỗ				Việt Nam			Cái	1	
87	Metahnol HPLC	A452-4	Fisher		Hàn Quốc	Fisher		Chai 4 L	4	
88	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	3	
89	Mg(NO3)2		Trung Quốc		Trung Quốc			chai 500g	5	
90	Element. SUS Filter (Đầu lọc)		Shimadzu -Nhật		Shimadzu -Nhật			cái	1	
91	DB-5MS Ultra Inert 30m, 0.25mm, 0.25um - Agilent		Agilent		US			cái	1	
92	HPLC Column ZORBAX Eclipse Plus, C18, 95Å, 5 µm, 4.6 x 150 mm		Agilent		US			cái	1	
93	Syringe, 100 uL, FN, LC tip - Agilent (LC Manual Syringe)		Agilent		US			cái	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
94	Split Liner, GC 5890 Agilent	19251-60540	Agilent	NA	US	Agilent			1	
95	Giá giữ điện cực so sánh		ALS		Nhật			cái	3	
96	Benzaldehyde		Ấn Độ		Ấn Độ			c/ 500 mL	1	
97	Cyclohexanol	2675-4105	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng Độ 99%	c/ 500 mL	1	
98	AcOH tinh khiết	64-19-7	Xi Long	2024	TQ	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	c/ 500 mL	1	
99	Aniline	00266 00500	Pallav - Ấn Độ	2024	Pallav - Ấn Độ	Pallav - Ấn Độ	Độ tinh khiết: 99,5% Chất lỏng trong suốt màu vàng đến nâu đỏ	500ml/Chai	1	
100	N,N-Dimethylaniline	3054-4405	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng độ 99%	c/ 500 mL	1	
101	Chloral hydrate	302-17-0	Zhanyun	2025	TQ	Zhanyun		c/250 g	1	
102	Metahnol HPLC	A452-4	Fisher		Hàn Quốc	Fisher		Chai 4 L	3	
103	HNO3	114003528	GHTECH		Trung Quốc	GHTECH	Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	10	
104	2,4-dinitrophenol				Trung Quốc			Chai 10g	1	
105	Methanol	HCTQ0324	Xilong Scientific		Trung Quốc	Xilong Scientific		Chai 500ml	1	
106	Dây điện 1.5, (DÂY ĐIỆN ĐÔI VCmd CADIVI: 2 x 30)		Cadivi		Cadivi			Cuộn/ 100 mét	1	
107	Potassium Peroxydisulfate, K2S2O8		TQ	2025	TQ			c/500 g	1	


STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
108	1,8-octanediol	629-41-4	TQ, Fisher	2025	TQ, Fisher	TQ, Fisher	Độ tinh khiết ³ 95%	c/100 g	1	
109	8-bromooctanoic acid	17696-11-6	TQ, TCI, Fisher	2025	TQ, TCI, Fisher	TQ, TCI, Fisher	Độ tinh khiết ³ 95%	c/50 g	1	
110	8-bromooctanoic acid	17696-11-6	TQ, TCI, Fisher	2025	TQ, TCI, Fisher	TQ, TCI, Fisher	Độ tinh khiết ³ 95%	c/5 g	1	
111	Metahnol HPLC	A452-4	Fisher		Hàn Quốc	Fisher		Chai 4 L	4	
112	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	3	
113	Mg(NO3)2		Trung Quốc		Trung Quốc			chai 500g	5	
114	Khí H2 99.999 %		VN				-	Bình	3	
115	Khí N2 99.995%		VN				-	Bình	3	
116	Khí Acetylen		VN				-	Bình	4	
117	Element. SUS Filter (Đầu lọc)		Shimadzu -Nhật		Shimadzu -Nhật			cái	1	
118	DB-5MS Ultra Inert 30m, 0.25mm, 0.25um - Agilent		Agilent		US			cái	1	


STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
119	HPLC Column ZORBAX Eclipse Plus, C18, 95Å, 5 µm, 4.6 x 150 mm		Agilent		US			cái	1	
120	Syringe, 100 uL, FN, LC tip - Agilent (LC Manual Syringe)		Agilent		US			cái	1	
121	Split Liner, GC 5890 Agilent	19251-60540	Agilent	NA	US	Agilent			1	
122	Giá giữ điện cực so sánh		ALS		Nhật			cái	3	
123	Hóa chất Oleanolic acid		Trung Quốc					chai/100 g	1	
124	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL							cái	1	
125	Na2S.9H2O	1313-84-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 98 % . Hàm lượng NH4 ≤ 0.002 % . Chất không hoà tan trong nước ≤ 0.002 %	500g/chai	1	
126	Cyclohexene	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0%. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1	
127	Phenol							500g/chai	1	
128	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL							cái	10	
129	Na2S.9H2O	1313-84-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 98 % . Hàm lượng NH4 ≤ 0.002 % . Chất không hoà tan trong nước ≤ 0.002 %	500g/chai	2	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
130	Cyclohexene	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1	
131	Phenol							500g/chai	5	
132	AgNO ₃	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	10	
133	Na ₂ S (9H ₂ O)		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Chai 500g	2	
134	K ₂ Cr ₂ O ₇		Xilong Scientific					Chai 500g	1	
135	2,4-dinitrophenol		Xilong Scientific						1	
136	Formaldehyde	HCTQ0323	Xilong Scientific		Trung Quốc	Xilong Scientific		Chai 500ml	10	
137	Toluene		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/500ml	1	
138	Toluene	108-88-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99,5%. Hàm lượng SO ₄ $\leq 0,0005\%$	Chai/500ml	1	
139	MeOH	HCTQ0324	Xilong Scientific		Trung Quốc	Xilong Scientific		Chai 500ml	1	
140	MeOH	HCKH0521	Topsol		Việt Nam	Topsol		Phuy/163 kg	1	
141	Aluminium oxide active, neutral, For column chromatography, cas: 1344-28-1		Oxford		ấn			Chai/ 500g	1	
142	Dây rút nhựa 15 cm		VN		Việt Nam			Bịch	5	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
143	Xi kẽm dạng bột, có kích thước hạt 2 đến 5 micromet từ nhà máy tôn tráng kẽm, Hàm lượng kẽm $\geq 50\%$ về khối lượng							kg	1	
144	Bột kẽm (công nghiệp)							thùng 50 Kg	1	
145	Cr ₂ O ₃				Trung Quốc		Chất rắn màu lục Khối lượng riêng: 5,22 g/cm ³ Điểm nóng chảy: 2.435 °C (2.708 K; 4.415 °F) Điểm sôi: 4.000 °C (4.270 K; 7.230 °F)	500 g	10	
146	Đá vôi							kg	200	
147	KSCN (PA)				1			Chai/500 g	1	
148	AgNO ₃ (PA)				Trung Quốc		Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	1	
149	H ₂ C ₂ O ₄ công nghiệp				Trung Quốc			Bao 25 kg	1	
150	KMnO ₄				Việt Nam			Chai 500g	10	
151	Hạt Cu							Chai/500 g	1	
152	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)				1			Chai/500 g	10	
153	K ₃ [Fe(CN) ₆] (PA)							Chai 500g	1	
154	Giá đỡ ống nghiệm 6 lỗ				Việt Nam			Cái	1	
155	Methanol		Fisher/vwr					4L/bình	2	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
156	Xi kẽm dạng bột, có kích thước hạt 2 đến 5 micromet từ nhà máy tôn tráng kẽm, Hàm lượng kẽm $\geq 50\%$ về khối lượng							kg	1	
157	Bột kẽm (công nghiệp)							thùng 50 Kg	1	
158	Cr2O3				Trung Quốc		Chất rắn màu lục Khối lượng riêng: 5,22 g/cm ³ Điểm nóng chảy: 2.435 °C (2.708 K; 4.415 °F) Điểm sôi: 4.000 °C (4.270 K; 7.230 °F)	500 g	10	
159	Đá vôi							kg	200	
160	KSCN (PA)				1			Chai/500 g	1	
161	AgNO3 (PA)				Trung Quốc		Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	1	
162	H2C2O4 công nghiệp				Trung Quốc			Bao 25 kg	1	
163	KMnO4				Việt Nam			Chai 500g	10	
164	Hạt Cu							Chai/500 g	1	
165	K2Cr2O7 (PA)				1			Chai/500 g	10	
166	K3[Fe(CN)6] (PA)							Chai 500g	1	
167	Giá đỡ ống nghiệm 6 lỗ				Việt Nam			Cái	1	
168	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	5	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
169	Na ₂ S (9H ₂ O)		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Chai 500g	2	
170	Formaldehyde	HCTQ0323	Xilong Scientific		Trung Quốc	Xilong Scientific		Chai 500ml	5	
171	Quặng Bauxite								1	
172	Đất đỏ Bazan							Bao 25 kg	1	
173	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kỹ thuật)				Việt Nam		Nồng độ 98%	39kg/ can	10	
174	HCl (can 30kg) Kỹ Thuật				Trung Quốc			can	1	
175	NH ₃ (can 30kg) Kỹ thuật				Trung Quốc			Can/ 30 lít	1	
176	Đá san hô							Kg	10	
177	HNO ₃ (PA)				Trung Quốc		Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	10	
178	AgNO ₃ (PA)				Trung Quốc		Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	2	
179	SnCl ₄				Trung Quốc			Chai 500g	1	
180	Pb(NO ₃) ₂				Trung Quốc			Chai 500g	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
181	Pb(CH ₃ COO) ₂				Trung Quốc			Chai 500g	1	
182	Zn kim loại				Trung Quốc		Nồng Độ 99 %	Chai/ 500g	1	
183	phenolphthalein								1	
184	KMnO ₄				Việt Nam			Chai 500g	1	
185	K ₂ Cr ₂ O ₇				Trung quốc			Chai 500g	1	
186	Cr(NO ₃) ₃							Chai 500g	1	
187	Sn Kim loại				Trung Quốc		Nồng Độ 99,5 %	Chai 500g	1	
188	Gáo cạn nhỏ, kích thước 24,8 x 16 x 9,7 cm, nguyên liệu PP							Cái	1	
189	Gáo bầu 1293, kích thước 28,9 x 15,1 x 13 cm, nguyên liệu PP							Cái	1	
190	Giá đỡ ống nghiệm 6 lỗ				Việt Nam			Cái	1	
191	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL							cái	10	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
192	Na2S.9H2O	1313-84-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 98\%$. Hàm lượng $\text{NH}_4 \leq 0.002\%$. Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.002\%$	500g/chai	2	
193	Cyclohexene	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1	
194	Phenol							500g/chai	5	
195	Toluene		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/500ml	1	
196	Toluene	108-88-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99,5%. Hàm lượng $\text{SO}_4 \leq 0,0005\%$	Chai/500ml	10	
197	MeOH	HCTQ0324	Xilong Scientific		Trung Quốc	Xilong Scientific		Chai 500ml	1	
198	MeOH	HCKH0521	Topsol		Việt Nam	Topsol		Phuy/163 kg	1	
199	Aluminium oxide active, neutral, For column chromatography, cas: 1344-28-1		Oxford		ấn			Chai/ 500g	1	
200	Methanol 500 mL							Chai 500 mL	1	
201	Toluene 500 mL							Chai 500 mL	1	
202	Cobalt(II) chloride hexahydrate				Trung Quốc			Chai 500 g	1	
203	Lanthanum chloride heptahydrate				Trung Quốc			Chai 100 g	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
204	Acetone công nghiệp, C ₃ H ₆ O	67-64-1-L	Chemsol	2025	Việt Nam	VINA-CHEM	Phần trăm độ tinh khiết ≥99% Dạng vật lý: Chất lỏng Điểm sôi: 56.5°C Độ ẩm <0.3%	Lit	6	
205	Anthocyanin	E103	Xilong		Trung Quốc	Xilong		25 g	1	
206	Acetone	1.17801.403	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: 99.9%	500ml/chai	2	
207	H ₂ SO ₄		PA					chai/500ml	1	

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành